TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số:18/2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông: **Lê Văn Tánh**.
2/ Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1986; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Hồ Thanh N**, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 02, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* Do quen biết trước chị Lê Thị T và anh Hồ Thanh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào cuối năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, theo giấy chứng nhận kết hôn số 201 quyển số 01 ngày 20/10/2008. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh N vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con tên Hồ Lê Y, sinh ngày 04/9/2009 và Hồ Lê V, sinh ngày 02/5/2014; hiện cháu Y và cháu V đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo chị T để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài nợ chung: Theo chị T không có, nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hồ Thanh N dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Hồ Thanh N. Xét thấy, bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh N.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T: yêu cầu xin được ly hôn với anh Hồ Thanh N. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh N, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh N nhiều lần đến để hòa giải về việc chị T xin ly hôn với anh N. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh N muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh N phải đến Tòa án để gặp chị T, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh N không đến, thể hiện anh N không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị T. Ngoài ra, theo chị T trình bày tại phiên tòa hôm nay giữa chị T và anh N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2020 cho đến nay đã hơn 03 năm. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Thanh N.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Lê Y, sinh ngày 04/9/2009 và Hồ Lê V, sinh ngày 02/5/2014; hiện cháu Y và cháu V hiện đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Y và cháu V hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về mọi mặt. Hơn nữa, qua tham khảo lời khai của cháu Y và cháu V cũng có

nguyện vọng xin được sống chung với chị T; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ giao cháu Hồ Lê Y và cháu Hồ Lê V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị T chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị T được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị T khai về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía anh N cho rằng vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì anh N, chị T được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Hồ Thanh N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Hồ Lê Y, sinh ngày 04/9/2009 và cháu Hồ Lê V, sinh ngày 02/5/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị T chưa có yêu cầu; anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002748 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Hồ Thanh N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND phường 1.TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.